

NGHIÊN CỨU SỰ HÀI LÒNG VỀ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Minh Hà¹

ThS. Trương Tấn Tâm²

TÓM TẮT

Chất lượng cuộc sống của người dân được thay đổi từng ngày theo đà phát triển chung của cả nước. Trong xu hướng phát triển ngày càng cao của nền kinh tế, đời sống của người dân cũng ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên vấn đề phát triển kinh tế vẫn còn tồn tại những mặt trái của nó làm ảnh hưởng không ít đến đời sống của người dân. Nghiên cứu này với mong muốn tìm ra những yếu tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng cuộc sống của người dân tại TP.HCM. Qua phân tích thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá và hồi qui đa biến với dữ liệu khảo sát trực tiếp người dân tại TP.HCM, nghiên cứu tìm ra được các nhân tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng cuộc sống như: Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương; tự do cá nhân và thủ tục hành chính; phương tiện truyền thông; hàng hóa phong phú và quan hệ cộng đồng; chính sách quy hoạch và định cư; giao thông công cộng; sức khỏe cộng đồng; không còn tình trạng nước ngập; và giáo dục và đào tạo.

Từ khóa: Chất lượng cuộc sống, hài lòng.

ABSTRACT

Residents' life quality is changed each day according to the country's common development. In the increasingly development trend of the economy, residents' life are increasingly improved. However, the problem of economic development remains the downside influencing much to residents' life. This study aims to find out factors affecting the residents' satisfaction of life quality in HoChiMinh city. Through description statistics, Exploratory Factor Analysis (EFA) and regression, the study demonstrates that factors influencing to residents' satisfaction of life quality are local government's assistants, individual freedom and public administrative procedures; media; rich goods and community relations, policy and planning settlements, public transport, public health, non-flooded status, and education and training.

Keywords: Life quality, satisfaction.

1. GIỚI THIỆU

Nền kinh tế Việt Nam trong thời gian vừa qua được cải thiện đáng kể. Theo Tổng cục thống kê, tăng trưởng GDP bình quân trong 5 năm (2006-2010) là 7,01%. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, đời sống

người dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên vấn đề đô thị hóa, công nghiệp hóa đã làm cho môi trường sống thay đổi. Tình trạng ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, dịch bệnh ngày càng trầm trọng. Thêm vào đó, tình trạng quá tải của cơ sở

¹ Trường Đại học Mở TP.HCM.

² Học viên cao học kinh tế khóa 2, Trường ĐH Mở TP.HCM.

hạ tầng, thiếu điện, thiếu nước sạch đã ảnh hưởng đến đời sống của người dân. Do đó việc cho rằng tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước cùng với thu nhập ngày càng cao có tỷ lệ thuận với chất lượng cuộc sống của người dân hay không là vấn đề còn nhiều tranh cãi. Theo Thời báo Kinh tế Sài Gòn (30/12/2010), phát triển kinh tế phải nhắm đến đích cuối cùng là nâng cao chất lượng cuộc sống để đem lại thịnh vượng và hạnh phúc cho tất cả mọi người. Thế nhưng ước muốn kinh tế phát triển nhanh để thu nhập đầu người tăng nhanh đôi lúc lấn lướt nỗi lo về chất lượng cuộc sống và từ đó dễ dẫn tới việc bỏ qua mặt trái của phát triển.

Là một trung tâm kinh tế lớn của cả nước, Tp.HCM có tốc độ phát triển kinh tế cao. Theo báo cáo chính trị đại hội Đảng bộ Tp.HCM lần IX, tăng trưởng GDP bình quân trong 5 năm (2006-2010) của Tp.HCM là 11%. Tuy nhiên, cũng giống như tình hình chung của cả nước, việc tăng trưởng về kinh tế của Tp.HCM không đồng bộ với việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Vẫn còn tình trạng kẹt xe, ô nhiễm môi trường, nước ngập do mưa lớn, triều cường, tình trạng chênh lệch quá lớn giữa tầng lớp giàu và nghèo. Bên cạnh đó dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng còn yếu, bệnh viện công luôn trong tình trạng quá tải, dịch vụ hành chính công và giao thông công cộng còn nhiều bất cập. Như vậy, vấn đề phát triển kinh tế có song hành cùng với việc nâng cao chất lượng cuộc sống là điều mà các nhà làm kinh tế và chính sách cần phải lưu ý.

Mục tiêu nghiên cứu là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng cuộc sống của người dân tại Tp.HCM; và gợi ý chính sách làm tăng sự hài lòng về chất lượng cuộc sống của người dân. Kết cấu nghiên cứu gồm: ngoài phần giới thiệu, phần 2 là cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu, phần 3 trình bày

thiết kế nghiên cứu, phần 4 là phân tích kết quả nghiên cứu, và cuối cùng là kết luận và kiến nghị.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1. Các khái niệm

Chất lượng cuộc sống: Theo Sharma (1998), trích bởi Nguyễn Kim Thoa (2003), chất lượng cuộc sống là sự cảm giác được hài lòng (hạnh phúc) hoặc thỏa mãn với những nhân tố của cuộc sống, mà những nhân tố đó được coi là quan trọng nhất đối với bản thân một con người. Thêm vào đó, chất lượng là sự cảm giác được hài lòng với những gì mà con người có được. Theo Hội đồng Ngân khố của Ban Thư ký Canada (1999), về chủ quan, chất lượng cuộc sống là cảm nghĩ tốt đẹp và cảm giác hài lòng với mọi thứ nói chung, về khách quan, chất lượng cuộc sống phải đầy đủ các nhu cầu về văn hóa và xã hội đối với của cải vật chất, địa vị xã hội và tình trạng khỏe mạnh về thể chất.

Boehnke (2003) cho rằng chất lượng cuộc sống đề cập đến sự hạnh phúc cá nhân với cảm xúc rộng lớn và đa chiều. Nó được định nghĩa dựa trên những mục tiêu xã hội đang thịnh hành ở Châu Âu, thí dụ như sự phân phối bình đẳng cơ hội sống, việc đảm bảo một tiêu chuẩn sống tối thiểu cho mọi người, cơ hội cho việc làm và trợ cấp xã hội. Do đó chất lượng cuộc sống không chỉ liên quan đến những vấn đề như thu nhập, giáo dục, tài sản vật chất mà còn những vấn đề khác như chăm sóc sức khỏe, các vấn đề gia đình và quan hệ xã hội. Tổ chức y tế thế giới (WHO, 1997) định nghĩa chất lượng cuộc sống là những cảm nhận của mỗi cá nhân về vị trí của họ trong bối cảnh văn hóa mà họ đang sống và hệ thống giá trị có liên quan như mục tiêu, kỳ vọng, tiêu chuẩn và những mối quan tâm khác. Nó là một khái niệm rộng lớn bị tác động bởi sức khỏe thể chất, trạng thái tâm lý, mức độ độc lập, các mối quan hệ xã hội, tín ngưỡng cá nhân và môi trường liên quan.

Hiện nay trên thế giới đang rất phổ biến tiêu chí đánh giá chất lượng cuộc sống đô thị của Công ty Mercer, dựa vào 39 tiêu chí, được chia thành 10 nhóm: (1) Nhóm về môi trường chính trị xã hội. (2) Về môi trường kinh tế. (3) Về môi trường văn hóa xã hội. (4) Về y tế và chăm sóc sức khỏe. (5) Về giáo dục và đào tạo. (6) Về dịch vụ công và vận chuyển. (7) Về vui chơi giải trí. (8) Về cung cấp sản phẩm tiêu dùng. (9) Về nhà ở. (10) Về môi trường tự nhiên.

Tóm lại, chất lượng cuộc sống là một phạm trù khá rộng, mỗi cá nhân sẽ tự lựa chọn cho mình một cách sống chủ quan để cảm thấy hạnh phúc nhất. Tuy nhiên chất lượng cuộc sống lại chịu chi phối bởi cộng đồng, vào những người chịu trách nhiệm xã hội và vào môi trường sống xung quanh.

Sự hài lòng về chất lượng cuộc sống

Qua các khái niệm trên, có thể đúc kết lại sự hài lòng về chất lượng cuộc sống là mức độ cảm nhận hay cảm xúc của con người về những điều mà con người có được trong cuộc sống. Những điều đó bao gồm cả những yếu tố về vật chất lẫn tinh thần như: thu nhập, sức khỏe, nhà ở, tôn giáo, văn hóa, chính trị, an ninh, môi trường sống,... Như vậy, nếu chỉ tập trung vào việc phát triển kinh tế mà bất chấp tất cả các phát sinh tiêu cực liên quan như ô nhiễm môi trường, không chăm lo đến tinh thần và sức khỏe của cộng đồng thì xã hội không thể phát triển bền vững được. Có hài lòng với chất lượng cuộc sống thì con người mới cảm thấy hạnh phúc và thoải mái trong cuộc sống của mình. Có như thế con người mới có thể gắn bó và đóng góp công sức cho sự phát triển tốt đẹp, bền vững của cộng đồng và xã hội.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống

Yếu tố chính trị: Theo đánh giá của công ty Mercer, yếu tố chính trị liên quan đến chất lượng cuộc sống gồm có những tiêu chí như xuất nhập cảnh dễ dàng; quan

hệ với các quốc gia khác; tuân thủ pháp luật, sự ổn định và không tội phạm.

Yếu tố văn hóa: Theo Trần Hữu Quang (2010), yếu tố văn hóa được đánh giá qua các tiêu chí như cách cư xử với nhau trong đời sống; ý thức xã hội của người dân đô thị; các cơ sở văn hóa. Trong đánh giá của Mercer (2011), yếu tố văn hóa bao gồm truyền thông đại chúng và kiểm duyệt; những giới hạn trong quyền tự do cá nhân.

Yếu tố an ninh xã hội: là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo môi trường sống an toàn cho người dân. Có thể nói an toàn xã hội là trạng thái xã hội có trật tự, kỷ cương, trong đó mọi người có cuộc sống yên ổn trên cơ sở các qui phạm pháp luật và chuẩn mực đạo đức, pháp lý xác định sẵn (Trần Hữu Quang, 2010 và Mercer, 2011).

Yếu tố môi trường tự nhiên: bao gồm đất đai, nước, không khí, động thực vật,... Môi trường tự nhiên thuận lợi, đất đai màu mỡ, không khí trong lành, nguồn nước trong sạch, không lũ lụt, động đất sẽ góp phần rất lớn tạo nên cuộc sống ấm no, đầy đủ cho người dân. Yếu tố này được đề cập bởi Hội đồng Ngân khố của Ban Thư ký Canada (1999), Zhao (2004), WHO (1997), Trần Hữu Quang (2010) và Mercer (2011).

Yếu tố y tế: có thể xem là các tiêu chí về chăm sóc sức khỏe cộng đồng, bao gồm phòng chống dịch bệnh, chống ô nhiễm môi trường (không khí, nguồn nước), hoạt động của bệnh viện và chất lượng của các dịch vụ y tế (WHO, 1997; Trần Hữu Quang, 2010 và Mercer, 2011).

Yếu tố giáo dục và đào tạo: Theo Mercer (2011), tiêu chí để đánh giá về giáo dục là tổng số các trường học. Theo Trần Hữu Quang (2010), chất lượng giáo dục được đánh giá qua chất lượng của trường học phổ thông, cao đẳng và đại học. Boeknke (2003) cho thấy yếu tố giáo dục ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống.

Yếu tố cơ sở hạ tầng: Trong nghiên cứu này, cơ sở hạ tầng được hiểu là những vật chất, phương tiện, dịch vụ phục vụ cho đời sống hàng ngày của người dân. Theo Mercer (2011), yếu tố này gồm các tiêu chí như nguồn cấp nước, điện, giao thông, dịch vụ điện thoại, thư tín, vận chuyển công cộng.

Yếu tố trợ cấp xã hội: có thể hiểu là trợ cấp của nhà nước hay các tổ chức cho những thành phần đang gặp khó khăn trong cuộc sống mà những thành phần này có công với đất nước, hay người già, tàn tật, thất nghiệp,...Điều này thể hiện sự quan tâm của chính quyền, sự đồng cảm với nhau (Boehnke, 2004).

Yếu tố môi trường kinh tế: Nếu mọi người dân, mọi thành phần kinh tế đều có cơ hội làm ăn như nhau và trong một điều kiện lý tưởng của môi trường kinh tế thì sự công bằng và cơ hội thành công rất lớn. Điều này góp phần rất lớn trong việc giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, nâng cao mức sống cũng như chất lượng sống của người dân.

Yếu tố tình trạng hôn nhân: Theo Zhao (2004), những người đang có gia đình thì thường cảm nhận hài lòng về chất lượng cuộc sống hơn những người đang độc thân, ly dị,...

Yếu tố thu nhập: Theo Boehnke (2003) và Zhao (2004), người có thu nhập cao, có khả năng chi tiêu, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho cuộc sống nhiều hơn thì khả năng hài lòng về chất lượng cuộc sống cao hơn. Hội đồng Ngân khố của Ban Thư ký Canada (1999), Trần Hữu Quang (2010) cho thấy yếu tố thu nhập cũng có ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống.

Yếu tố tôn giáo: WHO cho rằng khi được thỏa mãn về yếu tố tâm lý, tâm linh thì con người dễ dàng cảm thấy hài lòng về cuộc sống của mình.

Yếu tố quan hệ gia đình và xã hội: Boehnke (2003) cho rằng mối quan hệ

gia đình và xã hội giúp đỡ rất nhiều khi cá nhân gặp những điều không thuận lợi. Zhao (2004) thì cho rằng láng giềng thân thiện là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống.

Yếu tố nhà ở: Có thể nói nhu cầu nhà ở là nhu cầu hàng đầu của con người, nhà ở không những quan trọng đối với mỗi cá nhân, gia đình mà còn là một trong những tiêu chuẩn đánh giá sự phát triển của xã hội và mức sống của người dân. Yếu tố này được khẳng định có liên quan đến chất lượng cuộc sống (Zhao, 2004 và Mercer, 2011).

Yếu tố sức khỏe: Theo định nghĩa của WHO sức khỏe là trạng thái hoàn toàn thoải mái cả về vật chất, tinh thần và xã hội chứ không phải chỉ là không có bệnh tật hay tàn phế. Một khi sức khỏe không tốt thì cho dù vật chất có đầy đủ như thế nào đi nữa cũng không thể mang lại một cuộc sống tốt đẹp.

2.3. Các nghiên cứu trước

Marans và Rodger (1975) đề xuất mô hình về sự hài lòng của cộng đồng trong đó đánh giá mức độ hài lòng của cộng đồng phụ thuộc vào hai nhóm: (1) nhận thức của mỗi cá nhân về các thuộc tính môi trường cộng đồng (trường học công lập, môi trường khí hậu, đường xá, quan hệ cộng đồng, công viên, chính sách địa phương,...); (2) các đặc điểm cá nhân (tuổi tác, giới tính, thu nhập, trình độ học vấn, nghề nghiệp,...). Kết quả là những thuộc tính môi trường cộng đồng có ảnh hưởng mạnh mẽ đến mức độ hài lòng của cộng đồng, trong khi các đặc điểm cá nhân không có ảnh hưởng nhiều.

Theo Hội đồng Ngân khố của Ban thư ký Canada (2000), các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống gồm có 3 nhóm: (1) Môi trường, sức khỏe và an ninh cộng đồng: chất lượng nước, không khí, tuổi thọ, tỉ lệ tử vong của trẻ em, tỉ lệ tội phạm ; (2) Cơ hội và sự tham gia vào

kinh tế: Trình độ học vấn, tỉ lệ người biết chữ, tỉ lệ việc làm, GDP đầu người, thu nhập khả dụng ; (3) Sự tham gia xã hội: Sự phân biệt chủng tộc, quyền bầu cử, hoạt động văn hóa.

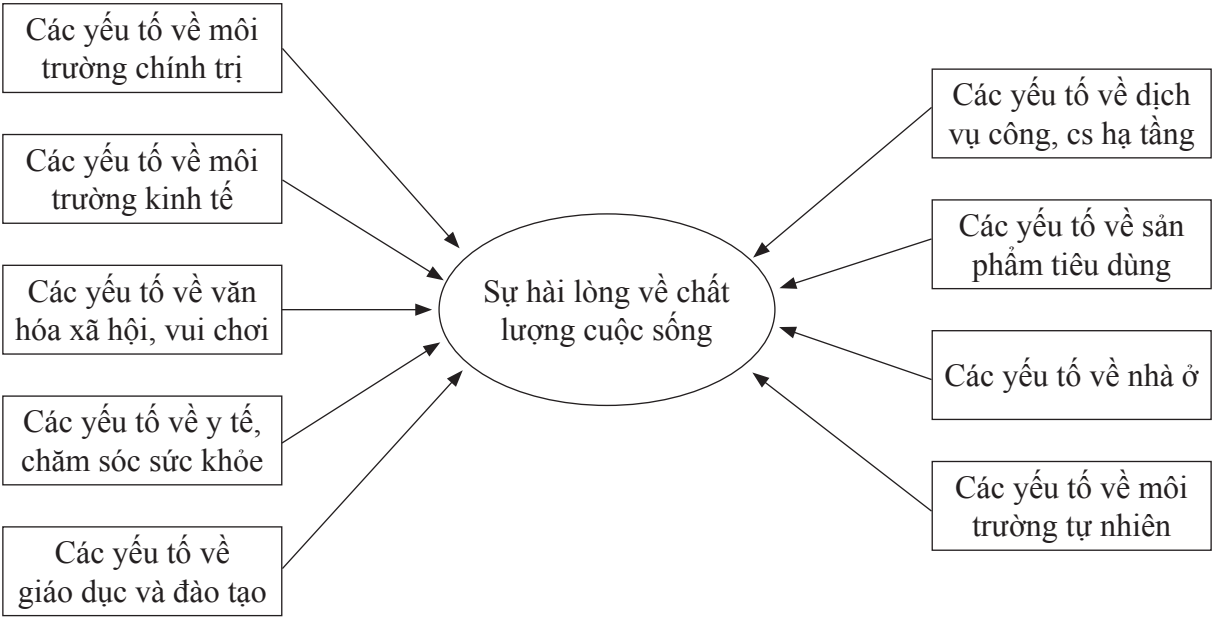
Khi khảo sát lần đầu tiên về chất lượng cuộc sống ở Châu Âu, Anderson và ctg (2003) tập trung vào tám vấn đề chủ yếu để đánh giá chất lượng cuộc sống: (1) Tình trạng kinh tế; (2) Môi trường địa phương và tình trạng nhà ở; (3) Kỹ năng sống, học vấn và việc làm; (4) Quan hệ và cấu trúc gia đình; (5) Sự cân bằng giữa cuộc sống và công việc; (6) Sức khỏe và chăm sóc y tế; (7) Cảm nhận về hạnh phúc; (8) Nhận thức về chất lượng xã hội.

Santos và ctg (2007) khi khảo sát về chất lượng cuộc sống của cư dân Porto đã đề xuất 21 vấn đề liên quan đến chất lượng cuộc sống: (1) Không gian xanh; (2) Vệ sinh đô thị; (3) Tình trạng ô nhiễm; (4) Tỉ

lệ có việc làm; (5) Chất lượng kiến trúc và đô thị; (6) Tình trạng giao thông ; (7) Phương tiện vận chuyển công cộng; (8) Các cơ sở văn hóa; (9) Văn hóa giải trí; (10) Không gian vui chơi và giải trí; (11) Các cơ sở thể dục thể thao; (12) Các cơ sở giáo dục phổ thông; (13) Các trường trung học, cao đẳng, đại học; (14) Hệ thống bệnh viện công và tư, trung tâm y tế; (15) Dịch vụ chăm sóc tại nhà, chăm sóc người già; (16) Dịch vụ thương mại; (17) Dịch vụ mua bán và thuê nhà; (18) Chất lượng nhà ở; (19) Tình trạng an ninh đô thị; (20) Tình trạng nghèo đói; (21) Quan hệ xã hội.

2.4. Mô hình nghiên cứu đề nghị

Nghiên cứu này tập trung vào các tiêu chí đánh giá chất lượng cuộc sống của công ty Mercer có tham khảo thêm phần lý thuyết và kết quả của các nghiên cứu trước để phù hợp với phạm vi và không gian nghiên cứu. Mô hình nghiên cứu như sau:



3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với các nội dung như sau: Phân

tích thống kê mô tả, phân tích khám phá (EFA) và phân tích hồi quy dựa vào dữ liệu điều tra bằng bảng câu hỏi phỏng vấn trực tiếp.

3.2. Xác định thang đo và thiết kế bảng khảo sát: Việc xác định thang đo và thiết kế bảng câu hỏi khảo sát chủ yếu dựa trên cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước. Tuy nhiên tại mỗi địa phương, mỗi thời điểm đều có những điều kiện sống khác nhau do đó cần phải có quá trình khảo sát thử để điều chỉnh thang đo cho phù hợp với thực tế là điều cần thiết. Quá trình khảo sát thử để điều chỉnh thang đo được tiến hành khảo sát thử nghiệm với 20 đối tượng nghiên cứu tại địa phương. Thang đo Likert gồm 5 mức độ như sau: Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý; Mức 2. Tương đối không đồng ý; Mức 3. Không có ý kiến; Mức 4. Tương đối đồng ý; Mức 5. Hoàn toàn đồng ý.

3.3. Khảo sát dữ liệu: Dữ liệu được thực hiện bằng phỏng vấn trực tiếp đối tượng đang sinh sống tại TPHCM ít nhất là 3 năm và từ 18 tuổi trở lên. Tổng số bảng khảo sát phát ra là 300, thu về là 281. Sau khi kiểm tra, 29 bảng kết quả không đạt yêu cầu do đánh giá không đủ hết các tiêu chí trong bảng khảo sát. Như vậy tỉ lệ mẫu thu về đạt yêu cầu là 252 mẫu, chiếm tỉ lệ 84% số mẫu đã đưa ra.

4. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Theo độ tuổi và giới tính: Số lượng nữ trong mẫu là 141 (chiếm tỉ lệ 56%), và nam là 111 (chiếm tỉ lệ 44%). Độ tuổi phỏng vấn tập trung lớn nhất vào khoảng 31-40 tuổi, chiếm tỉ lệ 32,9%. Kế đến là nhóm có độ tuổi từ 41-50 tuổi, chiếm tỉ lệ 27%. Nhóm có độ tuổi từ 18 – 30 tuổi chiếm 22,6% và trên 51 tuổi chiếm 17.5%.

Theo trình độ học vấn: Trình độ học vấn từ lớp 10 đến lớp 12 chiếm 41,7%. Kế đến là nhóm có trình độ từ trung cấp trở lên chiếm 32,1% và cuối cùng là nhóm từ lớp 1 đến lớp 9 chiếm 26,2%.

Theo nghề nghiệp: Đối tượng có nghề tự do chiếm tỉ lệ 61,1%. Nhóm nhân viên công chức, giáo viên, chiếm tỉ lệ 19,4%. Nhóm có nghề nghiệp chuyên môn cao chiếm tỉ lệ 16,7%, và cuối cùng là nhóm học sinh sinh viên chiếm 2,8%.

4.2. Phân tích thống kê mô tả các biến

Bảng1: Thống kê mô tả các biến định lượng

Tiêu chí	Min	Max	Mean
I. Những vấn đề liên quan về môi trường chính trị xã hội			
(MTCT1) Thủ tục hành chính ở địa phương luôn dễ dàng, nhanh chóng và thuận tiện	1	5	3.651
(MTCT2) Tình hình an ninh trật tự địa phương rất tốt	1	5	3.353
(MTCT3) Có sự quan hệ thân thiện giữa chính quyền địa phương và người dân.	1	5	3.274
(MTCT4) Thông tin chính sách luôn được cung cấp kịp thời và đầy đủ	1	5	3.516
(MTCT5) Chính quyền luôn là chỗ dựa đáng tin cậy của người dân	1	5	3.484
II. Những vấn đề về kinh tế			
(MTKT1) Môi trường làm kinh tế ổn định	1	5	3.464
(MTKT2) Hải lòng với thu nhập hiện tại	1	5	3.294
(MTKT3) Có nhiều cơ hội để tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập	1	5	2.984
(MTKT4) Chính sách hỗ trợ, cho vay vốn ưu đãi thuận lợi	1	5	3.532

(MTKT5) Dịch vụ ngân hàng ở địa phương rất thuận tiện	1	5	3.857
III. Những vấn đề về môi trường văn hóa			
(MTVH1) Người dân được tự do tín ngưỡng	1	5	4.464
(MTVH2) Nam nữ hoàn toàn bình đẳng trong xã hội	1	5	4.06
(MTVH3) Nhà văn hóa phường, quận đáp ứng được nhu cầu giải trí của mọi người	1	5	3.353
(MTVH4) Khu dân cư có nhiều tiện ích đáp ứng được nhu cầu rèn luyện sức khỏe cho mọi người	1	5	3.163
(MTVH5) Quan hệ trong cộng đồng rất tốt	1	5	3.821
(MTVH6) Khả năng tiếp cận thông tin qua báo chí, truyền hình...rất dễ dàng	2	5	4.365
IV. Những vấn đề liên quan đến y tế và chăm sóc sức khỏe			
(YT1) Không có tình trạng ô nhiễm không khí ở địa phương	1	5	3.163
(YT2) Không có tình trạng nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm	1	5	3.417
(YT3) Việc thu gom và xử lý rác thải rất hợp lý	1	5	3.718
(YT4) Vệ sinh công cộng sạch sẽ	1	5	3.365
(YT5) Bệnh viện công luôn đáp ứng được nhu cầu của người dân	1	5	3.171
(YT6) Không có dịch bệnh xảy ra ở địa phương	1	5	3.44
V. Những vấn đề liên quan đến môi trường tự nhiên			
(MTTN1) Tình trạng ngập nước do trời mưa không còn nữa	1	5	2.397
(MTTN2) Tình trạng ngập nước do triều cường không còn nữa	1	5	2.405
(MTTN3) Khu vực đang sinh sống không có bị ảnh hưởng bởi thiên tai (bão, lũ lụt)	1	5	3.813
(MTTN4) Nhiệt độ môi trường rất tốt cho sức khỏe và sinh hoạt của người dân	1	5	3.044
(MTTN5) Không bị ô nhiễm bởi tiếng ồn xung quanh	1	5	2.833
VI. Những vấn đề liên quan đến giáo dục và đào tạo			
(GDDT1) Số lượng các trường học đáp ứng được nhu cầu học tập của người học	1	5	3.75
(GDDT2) Chất lượng các trường học đều tốt	1	5	3.036
(GDDT3) Nội dung giảng dạy ở trường học đáp ứng được nhu cầu của xã hội	1	5	3.409
(GDDT4) Chính quyền luôn tạo điều kiện cho mọi thành phần đều có thể đến trường học	1	5	3.615
(GDDT5) Người dân có đầy đủ cơ hội đến trường	1	5	3.472
VII. Những vấn đề liên quan đến dịch vụ công, cơ sở hạ tầng			
(DVC1) Nước sạch được cung cấp đầy đủ và chất lượng luôn ổn định	1	5	3.679
(DVC2) Điện được cung cấp đầy đủ và ổn định	1	5	4.171
(DVC3) Đường giao thông thuận lợi	1	5	3.504

(DVC4) Phương tiện giao thông công cộng được bố trí hợp lý	1	5	3.433
(DVC5) Việc tiêu thoát nước sinh hoạt được dễ dàng và không gây ô nhiễm môi trường	1	5	3.56
(DVC6) Dịch vụ viễn thông (điện thoại) được cung cấp tốt	2	5	4.349
(DVC7) Dịch vụ viễn thông (internet) được cung cấp tốt	2	5	4.274
(DVC8) Dịch vụ truyền hình (cable, tivi,...) được cung cấp tốt	1	5	4.278
VIII. Những vấn đề liên quan đến sản phẩm tiêu dùng			
(SPTD1) Thuận tiện trong việc mua bán, trao đổi hàng hóa	2	5	4.032
(SPTD2) Hàng hóa phong phú, đáp ứng được nhu cầu của người dân	1	5	4.167
(SPTD3) Yên tâm về chất lượng hàng hóa	1	5	2.81
(SPTD4) Yên tâm về vệ sinh an toàn thực phẩm	1	5	2.48
IX. Những vấn đề liên quan đến nhà ở			
(NO1) Hoàn toàn hài lòng về chất lượng ngôi nhà đang sống	1	5	3.758
(NO2) Chính quyền luôn quan tâm và hỗ trợ đến nhà ở cho người có thu nhập thấp	1	5	2.869
(NO3) Giá mua bán, thuê nhà hợp lý	1	5	3.063
(NO4) Dễ dàng tìm được một nơi để định cư lâu dài	1	5	2.865
(NO5) Việc qui hoạch đất ở, nhà ở tại địa phương là hợp lý	1	5	2.984
X. Sự hài lòng về cuộc sống hiện tại			
(SHL1) Hoàn toàn hài lòng về cuộc sống hiện tại	1	5	3.516
(SHL2) Hoàn toàn tin tưởng vào sự phát triển ổn định và bền vững của địa phương theo xu hướng làm cho chất lượng cuộc sống ngày càng tốt hơn.	1	5	3.647
(SHL3) Hoàn toàn tự hào là thành viên trong cộng đồng hiện tại	1	5	3.758
(SHL4) Chấp nhận cuộc sống hiện tại và yên tâm định cư ở đây lâu dài	1	5	3.877

Nhóm biến có giá trị trung bình nhỏ hơn 3 gồm có 9 biến (MTTN1, MTTN2, SPTD3, SPTD4, MTTN5, NO4, NO2, MTKT3, NO5), nhóm có giá trị trung bình từ 4 trở lên gồm có 9 biến (SPTD1, MTVH2, SPTD2, DVC2, DVC7, DVC8, DVC6, MTVH6, MTVH1) và nhóm có giá trị trung bình từ 3 đến dưới 4 là bao gồm 35 biến còn lại.

Giá trị trung bình nhỏ nhất là 2,397 thuộc về biến MTTN1 (tình trạng ngập nước do trời mưa không còn nữa) và giá trị trung bình cao nhất là của biến

MTVH1 (người dân được tự do tính ngưỡng, 4,464 điểm). Phần lớn các biến có giá trị trung bình từ 3 trở lên (44 biến), điều này có thể cho thấy đa số các tiêu chí đều tương đối đáp ứng được yêu cầu của người dân.

Đáng lưu ý là một số yếu tố chính yếu liên quan đến môi trường tự nhiên và sản phẩm tiêu dùng như tình trạng ngập nước do trời mưa, triều cường, chất lượng hàng hóa và vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn còn bị đánh giá ở mức thấp. Cụ thể tiêu chí “Tình trạng ngập nước do trời mưa

không còn nữa” và “Tình trạng ngập nước do triều cường không còn nữa” có giá trị trung bình là 2,397 và 2,405. Tiêu chí “Yên tâm về vệ sinh an toàn thực phẩm” và “Yên tâm về chất lượng hàng hóa” có giá trị trung bình là 2,48 và 2,810. Ngoài ra các tiêu chí “Không bị ô nhiễm bởi tiếng ồn xung quanh”; “Dễ dàng tìm được một nơi để định cư lâu dài”; “Chính quyền luôn quan tâm và hỗ trợ đến nhà ở cho người có thu nhập thấp”; Có nhiều cơ hội để tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập”; “Việc qui hoạch đất ở, nhà ở tại địa phương là hợp lý” cũng có điểm trung bình tương đối thấp từ 2,833 đến 2,984.

Giá trị trung bình của thang đo mức độ hài lòng về cuộc sống hiện tại nằm ở mức trung bình từ 3,516 đến 3,877. Mặc dù còn một số yếu tố chưa được đánh giá cao nhưng giá trị trung bình của thang đo mức độ hài lòng của người dân lại cho thấy các yếu tố này không ảnh hưởng nhiều đến sự hài lòng về chất lượng cuộc sống hiện tại.

4.3. Kết quả kiểm định Cronbach Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả kiểm định thang đo *những vấn đề liên quan về môi trường chính trị xã hội* với Cronbach’s Alpha là .785 và các biến đạt yêu cầu như sau:

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Var. if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach’s Alpha if Item Deleted
Thủ tục hành chính ở địa phương luôn dễ dàng, nhanh chóng và thuận tiện	10.27	6.391	.523	.769
Có sự quan hệ thân thiện giữa chính quyền địa phương và người dân	10.65	5.981	.634	.710
Thông tin chính sách được cung cấp kịp thời và đầy đủ	10.41	6.506	.645	.710
Chính quyền luôn là chỗ dựa đáng tin cậy của người dân	10.44	6.327	.575	.740

Kiểm định thang đo *những vấn đề về kinh tế* có Cronbach Alpha là .733 và các biến đạt yêu cầu như:

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Var. if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach’s Alpha if Item Deleted
Môi trường làm kinh tế ổn định	13.67	9.466	.441	.706
Hài lòng với thu nhập hiện tại	13.84	8.384	.499	.686
Có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập	14.15	9.154	.463	.698
Chính sách hỗ trợ vốn, cho vay ưu đãi thuận lợi	13.60	8.512	.545	.667
Dịch vụ ngân hàng ở địa phương rất thuận tiện	13.27	8.287	.525	.675

Kết quả kiểm định thang đo *những vấn đề về môi trường văn hóa* có hệ số Cronbach Alpha là 0,643 và các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 như sau:

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Var. if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Tự do tín ngưỡng	14.40	7.196	.353	.611
Nam nữ hoàn toàn bình đẳng trong xã hội	14.80	6.415	.451	.562
Nhà văn hóa phường, quận đáp ứng được nhu cầu giải trí của mọi người	15.51	7.088	.405	.587
Khu dân cư có nhiều tiện ích, đáp ứng được nhu cầu rèn luyện sức khỏe cho mọi người	15.70	6.283	.438	.570
Quan hệ trong cộng đồng rất tốt	15.04	7.680	.339	.616

Kết quả kiểm định thang đo *những vấn đề liên quan đến y tế và chăm sóc sức khỏe* có hệ số Cronbach Alpha là 0,810 và các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 như sau:

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Var. if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Không có tình trạng ô nhiễm không khí ở địa phương	17.11	14.107	.655	.761
Không có tình trạng ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt	16.86	15.525	.601	.774
Việc thu gom và xử lý rác thải hợp lý	16.56	15.690	.591	.777
Vệ sinh công cộng sạch sẽ	16.91	15.255	.583	.778
Bệnh viện công luôn đáp ứng được nhu cầu của người dân	17.10	16.443	.454	.806
Không có dịch bệnh xảy ra ở địa phương	16.83	15.988	.544	.786

Kiểm định thang đo *những vấn đề liên quan đến giáo dục và đào tạo* có hệ số Cronbach Alpha là 0,768 và các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 như sau:

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Var. if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Chất lượng các trường học đều tốt	10.50	5.876	.499	.752
Nội dung giảng dạy ở trường học đáp ứng được nhu cầu của xã hội	10.12	5.893	.637	.681
Chính quyền luôn tạo điều kiện cho mỗi thành phần đều có thể đến trường	9.92	5.981	.563	.716
Người dân có đầy đủ cơ hội đến trường	10.06	5.490	.590	.702

Kết quả kiểm định thang đo *những vấn đề liên quan đến dịch vụ công và cơ sở hạ tầng* có hệ số Cronbach Alpha là 0,765 và các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 như sau:

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Var. if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Nước sạch được cung cấp đầy đủ và chất lượng ổn định	27.57	15.991	.396	.760
Điện được cung cấp đầy đủ và ổn định	27.08	16.867	.613	.720
Đường giao thông thuận lợi	27.74	16.503	.458	.741
Phương tiện giao thông công cộng được bố trí hợp lý	27.81	17.658	.354	.759
Tiêu thoát nước sinh hoạt được dễ dàng & không gây ô nhiễm môi trường	27.69	15.985	.476	.739
Dịch vụ viễn thông (điện thoại) được cung cấp tốt	26.90	17.049	.598	.723
Dịch vụ viễn thông (Internet) được cung cấp tốt	26.97	17.581	.475	.740
Dịch vụ truyền hình (cáp, Tivi,...) được cung cấp tốt	26.97	17.322	.468	.740

Thang đo *những vấn đề liên quan đến sản phẩm tiêu dùng* có hệ số Cronbach Alpha là 0,662 và các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 như sau:

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Var. if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Thuận tiện trong việc mua bán, trao đổi hàng hóa	9.46	4.002	.435	.603
Hàng hóa phong phú, đáp ứng được nhu cầu của người dân	9.32	4.251	.339	.657
Yên tâm về chất lượng hàng hóa	10.68	3.040	.614	.463
Yên tâm về vệ sinh an toàn thực phẩm	11.01	3.458	.409	.626

Thang đo *những vấn đề liên quan đến nhà ở* có hệ số Cronbach Alpha là 0,753 và có các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 như sau:

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Var. if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Chính quyền luôn quan tâm đến nhà ở cho người có thu nhập thấp	8.91	4.972	.620	.656
Giá mua, bán, thuê nhà hợp lý	8.72	5.494	.518	.712
Dễ dàng tìm được một nơi để định cư lâu dài	8.92	5.184	.570	.684
Việc qui hoạch đất ở, nhà ở tại địa phương là hợp lý	8.80	5.333	.493	.728

Thang đo *những vấn đề liên quan đến môi trường tự nhiên* có hệ số Cronbach Alpha là 0,700 và có các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 như sau:

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Var. if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Tình trạng ngập nước do trời mưa không còn nữa	12.10	8.573	.596	.587
Tình trạng ngập nước do triều cường không còn nữa	12.09	8.391	.591	.588
Khu vực đang sinh sống không bị ảnh hưởng bởi thiên tai	10.68	10.793	.326	.699
Nhiệt độ môi trường rất tốt cho sức khỏe và sinh hoạt của người dân	11.45	10.487	.367	.685
Không bị ô nhiễm bởi tiếng ồn của môi trường xung quanh	11.66	9.548	.408	.673

Thang đo về *sự hài lòng về cuộc sống hiện tại* có hệ số Cronbach Alpha là 0,777 và có các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 như sau:

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Var. if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Hoàn toàn hài lòng về cuộc sống hiện tại	11.28	4.442	.530	.753
Hoàn toàn tin tưởng vào sự phát triển ổn định & bền vững của địa phương	11.15	4.567	.636	.696
Hoàn toàn tự hào là thành viên trong cộng đồng hiện tại	11.04	4.644	.619	.705
Chấp nhận cuộc sống hiện tại và yên tâm định cư lâu dài	10.92	4.575	.551	.739

Tóm lại sau khi kiểm định Cronbach Alpha có 4 biến bị loại là MTCT2, MTVH6, GDDT1 và NO1. Như vậy cuối cùng mô hình nghiên cứu sẽ có 10 thang đo với 49 biến đảm bảo chất lượng tốt.

Kiểm định hệ số tải nhân tố: Kết quả phân tích EFA cho 45 biến độc lập, có 11 biến độc lập không đủ tiêu chuẩn tải nhân tố

(tải nhân tố nhỏ hơn 0,55). Như vậy chỉ còn 34 biến độc lập có hệ số tải nhân tố không nhỏ hơn 0,55 được giữ lại và được phân chia thành 12 nhân tố mới Kiểm định sự thích hợp của phân tích EFA: kết quả bảng KMO and Bartlett's test (bảng 2) cho thấy chỉ số $0,5 \leq KMO = 0,835 \leq 1$, điều này chứng tỏ sự phân tích nhân tố là thích hợp.

Bảng 2. Bảng kiểm tra KMO và Bartlett

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.835
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	6065.871
	Df	990
	Sig.	.000

Kiểm định tương quan của các biến quan sát: mức ý nghĩa kiểm định Bartlett $\text{sig.} = 0,000 < 0,05$, như vậy có thể kết luận các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện. Kiểm định phương sai trích: theo kết quả của bảng Total Variance Explained, chỉ số Cumulative là $68,996\% > 50\%$. Điều này có nghĩa là $68,996\%$ biến thiên được giải thích bởi các nhân tố. Qua kết quả kiểm định trên có thể kết luận việc phân tích nhân tố khám phá cho các biến độc lập là phù hợp.

Xác định các nhân tố mới: Kết quả phân tích EFA cho 12 nhân tố mới như sau:

Nhân tố 1 là “F1: sức khỏe cộng đồng, gồm các biến YT1 (Không có tình trạng ô nhiễm không khí ở địa phương); YT2 (Không có tình trạng ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt); YT4 (Vệ sinh công cộng sạch sẽ); và YT6 (Không có dịch bệnh xảy ra ở địa phương)

Nhân tố 2 là “F2: sự hỗ trợ của chính quyền địa phương”, gồm các biến MTCT3 (Có sự quan hệ thân thiện giữa chính quyền địa phương và người dân); MTCT4 (Thông tin chính sách luôn được cung cấp kịp thời và đầy đủ); MTCT5 (Chính quyền luôn là chỗ dựa đáng tin cậy của người dân); và MTKT5 (Dịch vụ ngân hàng ở địa phương rất thuận tiện)

Nhân tố 3 là “F3: phương tiện truyền thông”, gồm biến DVC6 (Dịch vụ viễn thông điện thoại được cung cấp tốt); DVC7 (Dịch vụ viễn thông internet được cung cấp tốt); và DVC8 (Dịch vụ truyền hình được cung cấp tốt).

Nhân tố 4 là “F4: tự do cá nhân và thủ tục hành chính”, gồm các biến MTVH1 (Người dân được tự do tín ngưỡng); MTVH2 (Nam nữ hoàn toàn bình đẳng trong xã hội); và MTCT1 (Thủ tục hành chính ở địa phương luôn dễ dàng, nhanh chóng và thuận tiện).

Nhân tố 5 là “F5: giáo dục và đào tạo”, gồm các biến GDDT3 (Nội dung

giảng dạy ở trường học đáp ứng được nhu cầu của xã hội); GDDT4 (Chính quyền luôn tạo điều kiện cho mọi thành phần đều có thể đến trường học); và GDDT5 (Người dân có đầy đủ cơ hội đến trường).

Nhân tố 6 là “F6: chất lượng hàng hóa và vệ sinh an toàn thực phẩm”, gồm các biến SPTD3 (Yên tâm về chất lượng hàng hóa) và SPTD4 (Yên tâm về vệ sinh an toàn thực phẩm).

Nhân tố 7 là “F7: chính sách qui hoạch và định cư”, gồm biến NO2 (Chính quyền luôn quan tâm và hỗ trợ đến nhà ở cho người có thu nhập thấp); NO3 (Giá mua bán, thuê nhà hợp lý); NO4 (Dễ dàng tìm được một nơi để định cư lâu dài); và NO5 (Qui hoạch đất ở, nhà ở tại địa phương là hợp lý).

Nhân tố 8 là “F8: Giao thông công cộng”, gồm các biến DVC3 (Đường giao thông thuận lợi) và DVC4 (Phương tiện giao thông công cộng được bố trí hợp lý)

Nhân tố 9 là “F9: không còn tình trạng nước ngập, gồm các biến MTTN1 (Tình trạng ngập nước do trời mưa không còn nữa) và MTTN2 (Tình trạng ngập nước do triều cường không còn nữa)

Nhân tố 10 là “F10: thu nhập và việc làm”, gồm các biến MTKT1 (Môi trường làm kinh tế ở địa phương ổn định); MTKT2 (Hài lòng với thu nhập hiện tại); và MTKT3 (Có nhiều cơ hội để tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập tại địa phương).

Nhân tố 11 là “F11: môi trường sống tại địa phương”, gồm biến MTTN4 (Nhiệt độ môi trường rất tốt cho sức khỏe và sinh hoạt của người dân) và MTTN5 (Không bị ô nhiễm bởi tiếng ồn xung quanh).

Nhân tố 12 là “F12: hàng hóa phong phú và quan hệ cộng đồng”, gồm các biến SPTD2 (Hàng hóa phong phú, đáp ứng được nhu cầu của người dân) và MTVH5 (Quan hệ cộng đồng rất tốt)

Như vậy, qua kiểm định Cronbach Alpha và phân tích nhân tố khám phá thì

cuối cùng nhận diện được 12 thang đo đại diện cho các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân và 1 thang đo đại diện cho sự hài lòng về cuộc sống của người dân.

4.4. Kết quả phân tích hồi qui đa biến

4.4.1. Mô hình hồi qui đa biến

Từ kết quả của phân tích nhân tố khám phá, mô hình hồi qui đa biến được thiết lập như sau:

$$Y(SHL) = \beta_0 + \beta_1F1 + \beta_2F2 + \beta_3F3 + \beta_4F4 + \beta_5F5 + \beta_6F6 + \beta_7F7 + \beta_8F8 + \beta_9F9 + \beta_{10}F10 + \beta_{11}F11 + \beta_{12}F12 + e_i$$

Trong đó: Y là Sự hài lòng về cuộc sống hiện tại. F1: Sức khỏe cộng đồng. F2: Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương. F3: Phương tiện truyền thông. F4: Tự do cá nhân và thủ tục hành chính. F5: Giáo dục và đào tạo. F6: Chất lượng hàng hóa và an toàn vệ sinh thực phẩm. F7: Chính

sách qui hoạch và định cư. F8: Giao thông công cộng. F9: Không còn tình trạng nước ngập. F10: Thu nhập và việc làm. F11: Môi trường sống tại địa phương. F12: Hàng hóa phong phú và quan hệ cộng đồng.

4.4.2. Kết quả phân tích hồi qui đa biến

Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình: Theo bảng 3, R² hiệu chỉnh là 0,407. Điều này có ý nghĩa là 40,7% sự biến thiên của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập có ý nghĩa tương quan. Kết quả phân tích phương sai (ANOVA) có giá trị Sig. = 0,000 < 0,01, như vậy có thể kết luận rằng mô hình đưa ra phù hợp với dữ liệu thực tế. Hệ số phóng đại phương sai VIF <10 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến trong mô hình nghiên cứu. Không có bằng chứng về hiện tượng phương sai thay đổi (phương sai của phần dư không thay đổi) nên mô hình hồi quy phù hợp.

Bảng 3. Tóm tắt mô hình (Model summary^b)

R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics					Durbin-Watson
				R Square Change	F Change	df1	df2	Sig. F Change	
.660	.436	.407	.76981443	.436	15.379	12	239	.000	1.977

Bảng 4. Kết quả hồi quy

Các biến	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
	B	Std. Error	Beta		
(Constant)	.000	.048		.000	1.000
(F1) Sức khỏe cộng đồng	.139**	.049	.139	2.861	.005
(F2) Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương	.353**	.049	.353	7.269	.000
(F3) Phương tiện truyền thông	.263**	.049	.263	5.415	.000
(F4) Tự do cá nhân và thủ tục hành chính	.269**	.049	.269	5.542	.000
(F5) Giáo dục và đào tạo	.117*	.049	.117	2.403	.017

(F6) Chất lượng hàng hóa & vệ sinh an toàn thực phẩm	.022	.049	.022	.461	.645
(F7) Chính sách qui hoạch và định cư	.192**	.049	.192	3.960	.000
(F8) Giao thông công cộng	.166**	.049	.166	3.418	.001
(F9) Không còn tình trạng nước ngập	.118*	.049	.118	2.424	.016
(F10) Thu nhập và việc làm	.041	.049	.041	.854	.394
(F11) Môi trường sống tại địa phương	.065	.049	.065	1.341	.181
(F12) Hàng hóa phong phú và quan hệ cộng đồng	.227**	.049	.227	4.663	.000

Ghi chú: ** *Độ tin cậy 99%* , * *Độ tin cậy 95%*

Giải thích kết quả hồi quy của mô hình:

Biến F1: có quan hệ cùng chiều với biến Sự hài lòng (SHL) đúng như kỳ vọng. Khi yếu tố “Sức khỏe cộng đồng” tăng thêm thì sự hài lòng của người dân tăng trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi. Yếu tố “Sức khỏe cộng đồng” gồm có 4 tiêu chí: Không có tình trạng ô nhiễm không khí ở địa phương (YT1), Không có tình trạng nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm (YT2), Vệ sinh công cộng sạch sẽ (YT4), Không có dịch bệnh xảy ra ở địa phương (YT6).

Biến F2: có quan hệ cùng chiều với biến SHL đúng như kỳ vọng. Khi yếu tố “Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương” tăng thêm thì sự hài lòng của người dân tăng thêm trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi. Yếu tố “Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương” gồm có 4 tiêu chí: Có sự quan hệ thân thiện giữa chính quyền địa phương và người dân (MTCT3), Thông tin chính sách luôn được chính quyền địa phương cung cấp kịp thời và đầy đủ (MTCT4), Chính quyền luôn là chỗ dựa đáng tin cậy của người dân (MTCT5), Dịch vụ ngân hàng ở địa phương rất thuận tiện (MTKT5).

Biến F3: có quan hệ cùng chiều với biến SHL đúng như kỳ vọng, nghĩa là khi yếu tố “Phương tiện truyền thông” tăng

lên thì sự hài lòng của người dân tăng lên trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Yếu tố “Phương tiện truyền thông” gồm có 3 tiêu chí: dịch vụ viễn thông (điện thoại) được cung cấp tốt; Dịch vụ viễn thông (internet) được cung cấp tốt và Dịch vụ truyền hình (cáp, Tivi,...) được cung cấp tốt. Các tiêu chí này đều được đánh giá cao và có sự nâng cấp đáng kể trong thời gian vừa qua. Các phương tiện truyền thông này ngày càng góp phần rõ rệt trong việc nâng cao đời sống tin thần của người dân quận 8 nói riêng và người dân Tp.HCM nói chung.

Biến F4: có hệ số hồi qui chưa chuẩn hóa 0,269, quan hệ cùng chiều với biến SHL đúng như kỳ vọng. Khi yếu tố “Tự do cá nhân và thủ tục hành chính” tăng lên thì sự hài lòng của người dân tăng lên trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Yếu tố “Tự do cá nhân và thủ tục hành chính” gồm có 3 tiêu chí: Người dân được tự do tín ngưỡng (MTVH1), Nam nữ hoàn toàn bình đẳng trong xã hội (MTVH2), Thủ tục hành chính ở địa phương luôn dễ dàng, nhanh chóng và thuận tiện (MTCT1)

Biến F5: có hệ số hồi qui chưa chuẩn hóa 0,117, quan hệ cùng chiều với biến SHL, đúng như kỳ vọng. Khi yếu tố “Giáo dục và đào tạo” tăng lên thì sự hài lòng của người dân tăng lên trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Yếu tố

“Giáo dục và đào tạo” gồm 3 tiêu chí: Nội dung giảng dạy ở trường học đáp ứng được nhu cầu của xã hội (GDDT3); Chính quyền luôn tạo điều kiện cho mọi thành phần đều có thể đến trường học (GDDT4) và người dân có đầy đủ cơ hội đến trường (GDDT5). Qua kết quả khảo sát, các tiêu chí này đều được người dân đánh giá tương đối cao.

Biến F7: có quan hệ cùng chiều với biến SHL, đúng như kỳ vọng. Khi yếu tố “Chính sách qui hoạch và định cư” tăng thêm thì sự hài lòng của người dân tăng thêm trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Yếu tố “Chính sách qui hoạch và định cư” gồm 4 tiêu chí: Chính quyền luôn quan tâm và hỗ trợ đến nhà ở cho người có thu nhập thấp (NO2); Giá mua bán, thuê nhà hợp lý (NO3); Dễ dàng tìm được một nơi để định lâu dài (NO4) và qui hoạch đất ở, nhà ở tại địa phương là hợp lý (NO5).

Biến F8: có hệ số hồi qui chưa chuẩn hóa 0,166, quan hệ cùng chiều với biến SHL đúng như kỳ vọng. Khi yếu tố “Giao thông công cộng” tăng thêm thì sự hài lòng của người dân tăng thêm trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi. Yếu tố “Giao thông công cộng” gồm có 2 tiêu chí: Đường giao thông thuận lợi (DVC3) và Phương tiện giao thông công cộng được bố trí hợp lý (DVC4).

Biến F9: có quan hệ cùng chiều với biến SHL đúng như kỳ vọng. Khi yếu tố “Không còn tình trạng nước ngập” tăng thêm thì sự hài lòng của người dân tăng thêm trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi. Yếu tố “Không còn tình trạng nước ngập” gồm có 2 tiêu chí: Tình trạng ngập nước do trời mưa không còn nữa (MTTN1) và tình trạng ngập nước do triều cường không còn nữa (MTTN2).

Biến F12: có hệ số hồi qui chưa chuẩn hóa 0,227, quan hệ cùng chiều với biến SHL đúng như kỳ vọng. Khi yếu tố “Hàng hóa phong phú và quan hệ cộng

đồng” tăng thêm 1 điểm thì sự hài lòng của người dân tăng thêm 0,227 điểm trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi. Yếu tố “Hàng hóa phong phú và quan hệ cộng đồng” gồm có 2 tiêu chí: Hàng hóa phong phú, đáp ứng được nhu cầu của người dân (SPTD2) và Quan hệ cộng đồng rất tốt (MTVH5).

Dựa vào hệ số hồi qui chuẩn hóa của bảng 4 có thể đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến độc lập đối với biến phụ thuộc theo thứ tự giảm dần: F2 (0,353), F4 (0,269), F3 (0,263), F12 (0,227), F7 (0,192), F8 (0,166), F1 (0,139), F9 (0,118) và F5 (0,117).

Các biến không có ý nghĩa đến sự hài lòng về chất lượng cuộc sống của con người là: i) Chất lượng hàng hóa & vệ sinh an toàn thực phẩm. Biến này có thể giải thích là do chất lượng hàng hóa và an toàn thực phẩm chưa tốt nên người dân chưa đánh giá cao và chưa hài lòng, thể hiện trong kết quả thống kê giá trị trung bình của các biến này thấp. ii) Thu nhập và việc làm: Các biến này trong kết quả thống kê cũng được đánh giá rất thấp, chứng tỏ người dân chưa hài lòng về mức thu nhập và công việc hiện nay vì ở TPHCM đòi hỏi phải mức sống cao hơn và chi phí cao hơn so với các địa phương khác. Và iii) Môi trường sống tại địa phương: So với các địa phương khác thì Tp.HCM ô nhiễm, ngập nước,... nhiều hơn nên người dân chưa hài lòng với tình hình môi trường tại Tp.HCM.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Dựa vào lý thuyết và các nghiên cứu trước, mô hình nghiên cứu ban đầu được xây dựng gồm có 9 yếu tố với 49 tiêu chí được cho là có ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng cuộc sống của người dân tại Tp.HCM. Sau khi phân tích nhân tố khám phá, từ 9 yếu tố ban đầu được phân tích thành 12 yếu tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng cuộc sống. Tiếp theo

bằng kỹ thuật phân tích hồi qui đa biến đã xác định được 9 yếu tố thực sự có ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng cuộc sống của người dân ở tại Tp.HCM theo thứ tự quan trọng như sau: Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương (F2); Tự do cá nhân và thủ tục hành chính (F4); Phương tiện truyền thông (F3); Hàng hóa phong phú và quan hệ cộng đồng (F12); Chính sách qui hoạch và định cư (F7); Giao thông công cộng (F8); Sức khỏe cộng đồng (F1); Không còn tình trạng nước ngập (F9); Giáo dục và đào tạo (F5).

5.2. Kiến nghị

Hoạt động của chính quyền địa phương: Chính quyền địa phương phải là chỗ dựa đáng tin cậy của người dân, là nơi mà người dân có thể tìm đến khi gặp những vấn đề khó khăn trong xã hội. Do đó, chính quyền địa phương phải không ngừng cải tiến, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, và đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Cán bộ phải sâu sát với thực tế của người dân, biết cảm thông và lắng nghe mới hiểu được hết những hoàn cảnh, tâm tư và nguyện vọng của người dân.

Tự do cá nhân: Là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân nên tự do cá nhân là vấn đề cần phải được tôn trọng. Người dân phải được tự do thể hiện quan điểm về tôn giáo cũng như gia nhập bất cứ tôn giáo nào miễn sao phù hợp với chính sách của nhà nước, không phá hoại đất nước. Ngoài ra vấn đề bất bình đẳng nam nữ trong xã hội cần phải được xóa bỏ triệt để. Chính quyền tạo được sự bình đẳng cho mọi giới trong việc tìm kiếm việc làm, thăng tiến. **Phương tiện truyền thông:** Điện thoại, internet, truyền hình là những phương tiện truyền thông cung cấp thông tin nhanh nhất đến với các thành phần trong xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh việc hỗ trợ người dân có thể tiếp cận phương tiện này một cách dễ dàng thuận tiện, chính quyền còn cần phải

có sự quản lý chặt chẽ, tránh tình trạng sử dụng phương tiện này để quảng cáo không đúng sự thật hay tuyên truyền những thông tin sai lệch đường lối chính sách của Đảng và nhà nước.

Chính sách qui hoạch và định cư: Chính quyền cần phải nhanh chóng có những chính sách phù hợp để khắc phục tình trạng này, như: Khuyến khích xây nhà với diện tích phù hợp với thu nhập của người dân (diện tích nhỏ, chỉ tích hợp những chức năng cơ bản,...). Hỗ trợ cho những người có nhu cầu thật sự về nhà ở bằng các biện pháp như cho vay vốn ưu đãi, trả chậm, thủ tục đơn giản,... Chính sách qui hoạch phải rõ ràng, hợp lý phù hợp với điều kiện sống của người dân, không qui hoạch treo.

Giao thông công cộng: Đây là loại phương tiện đi lại phổ biến trong tương lai (như các nước). Do đó chính quyền cần phải thật sự quan tâm và tập trung giải quyết triệt để những vấn đề bất cập liên quan.

Sức khỏe cộng đồng: Liên quan đến vấn đề này, chính quyền cần phải kết hợp chặt chẽ với các cơ sở y tế dự phòng để đảm bảo môi trường sống trong sạch và không có dịch bệnh tại địa phương.

Tình trạng nước ngập: Chính quyền địa phương có thể tham mưu cho thành phố nên ưu tiên giải quyết những vấn đề cấp thiết nào, phân tích nguyên nhân gây ra tình trạng nước ngập. Đồng thời chính quyền địa phương nên có những chính sách hỗ trợ người dân địa phương giải quyết tình trạng bị ngập nước do trời mưa hay triều cường bằng cách nâng cấp đường nội bộ, cải tạo nâng cấp những căn nhà bị ảnh hưởng. Việc giải quyết phải thực hiện đồng bộ.

Giáo dục và đào tạo: Chăm lo cho giáo dục và đào tạo có thể nói là đầu tư cho tương lai của đất nước. Do đó chính quyền phải tạo điều kiện cho mọi thành phần đều có thể đến trường.

Chất lượng hàng hóa và vệ sinh an toàn thực phẩm: Các ngành chức năng liên quan phải có sự phối hợp chặt chẽ để giải quyết triệt để tình trạng buôn bán gian lận, không đúng qui định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Chính quyền phải có biện pháp mạnh, phải kết hợp hình thức truy tố trước pháp luật và chế tài thật nặng đối với đối tượng cố tình vi phạm. Khuyến khích, khen thưởng và bảo vệ những người phát hiện và tố giác những hành vi gian lận.

Cơ hội tìm kiếm việc làm và nâng cao thu nhập: Môi trường kinh tế ở địa phương phải ổn định, các thể chế chính trị phải rõ ràng mới có thể thu hút các nhà đầu tư. Từ đó sẽ tạo ra được việc làm cho người dân. Ngoài ra chính quyền còn phải

chú trọng đến việc đào tạo và nâng cao tay nghề cho người lao động để theo kịp xu thế phát triển của thế giới.

Hoạt động của người dân: người dân phải phối hợp chặt chẽ và nhiệt tình hợp tác với chính quyền trong việc xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

5.3. Giới hạn của nghiên cứu

Như đã đề cập, chất lượng cuộc sống là một phạm trù khá rộng, mỗi cá nhân sẽ có một sự hài lòng về chất lượng cuộc sống riêng nên kết quả nghiên cứu đạt được chỉ mang tính chất chung và đại diện cho một cộng đồng. Các tiêu chí khảo sát có thể chưa bao hàm đầy đủ hết tất cả các vấn đề liên quan đến cuộc sống của con người. Số lượng mẫu khảo sát có thể chưa đủ lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andeson R., Litske H. và Krieger H. (2003), *Quality of Life in Europe*. Có thể download từ www.eurofound.europa.eu/pubdocs/2004/105/en/1/ef04105en.pdf.
2. Báo cáo chính trị đại hội đảng bộ Tp.HCM lần IX. Có thể tải từ: <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-Xa-hoi/396848/Cong-bo-du-thao-bao-cau-chinh-tri-dai-hoi-dang-bo-TPHCM-lan-IX.html>.
3. Boehnke P. (2003), *First European Quality of Life survey: Life satisfaction, happiness and sense of belonging*.
4. Filkins R., Allen J.C. và Cordes S. (1999), *Predicting community satisfaction among rural residents: An integrative model*.
5. Marans R.W. và Rodger W. (1975), *Toward an understanding of community satisfaction, Metropolitan America in Contemporary Perspective*, New York, Halstead Press.
6. Mercer (2011), *Quality of Living Survey highlights – Defining ‘Quality of Living’*, có thể tải từ: <http://www.mercer.com/articles/quality-of-living-definition-1436405>.
7. Nguyễn Kim Thoa (2003), *Bàn về khái niệm chất lượng cuộc sống*, Tạp chí Dân số và Phát triển, số 6/2003, Website Tổng cục dân số-Kế hoạch hóa gia đình.
8. Santos D., Martins I. và Brito P. (2007), “*Measuring Subjective Quality of Life: A Survey to Porto’s Residents*”.
9. *Thời báo kinh tế Sài Gòn* (30/12/2010). Có thể tải từ: <http://www.baomoi.com/Home/KinhTe/www.thesaigontimes.vn/Chat-luong-cuoc-song/5465844.epi>.
10. Trần Hữu Quang (2010), *Cư dân đô thị và không gian đô thị trong tiến trình đô thị hóa ở TPHCM*. Có thể tải từ: <http://mag.ashui.com/index.php/tuongtac/phanbien/55-phanbien/4488-cu-dan-do-thi-tphcm-va-chat-luong-song.html>.

11. Hội đồng Ngân khố của Ban Thư ký Canada (Treasury Board of Canada Secretariat) (1999), *Quality of Life - A Concept Paper: Defining, Measuring and Reporting Quality of Life for Canadians*, có thể tải từ :http://www.tbs-sct.gc.ca/pubs_pol/dcgpubs/pubsdisc/qol01-eng.asp#Toc478436 448.
12. WHO–Quality of Life–100, *measuring quality of life*, (1997). Có thể tải từ http://www.who.int/mental_health/media/68.pdf.
13. Zhao B. (2004), *Perceptions of Quality of Life and Use of Human Services by Households: A model*.

(Ngày nhận bài: 02/03/2013; Ngày phản biện: 16/03/2013; Ngày chấp nhận đăng: 27/05/2013).